

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 10-3-2022
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp;

Ông Trịnh Thanh Trần.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 263/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T. Sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh C ..

- Bị đơn: Ông Vưu Văn H. Sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh C ..

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 12 năm 2021, các lời trình bày trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Bà với ông H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1992, năm 2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh L, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông H còn có hành vi đánh bà, bà có báo Công an xã lập biên bản. Bà nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn.

Về con chung: tên Vu Văn S, sinh ngày 18/11/1992 và Vu Chí T1, sinh ngày 06/10/1994 hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Tại phiên tòa bị đơn ông Vu Văn H trình bày: Ông với bà T chung sống với nhau vào năm 1992 có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống tuy vợ chồng không có tiếng nói chung nhưng ông vẫn chịu đựng được và cùng nhau xây dựng gia đình, nuôi dạy hai con chung. Nhưng thời gian gần đây, nhất là hai năm trở lại đây, vợ ông sống buông thả không chăm lo cho gia đình, chê bai bản thân và điều kiện kinh tế của ông nên dẫn đến vợ chồng càng mâu thuẫn và do tác động bên ngoài nên mới yêu cầu ly hôn với ông, do đó, ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung đã trưởng thành như bà T trình bày.

Về tài sản chung: Vợ ông cương quyết ly hôn thì tự ý quyết, về phần đất thì ông để lại cho con, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Phạm Thị T và ông Vu Văn H được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét thấy bà Phạm Thị T và ông Vu Văn H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân của bà Phạm Thị T và ông Vu Văn H là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống giữa vợ chồng bà Phạm Thị T và ông Vu Văn H xảy ra mâu thuẫn. Tại phiên tòa, ông H cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn do cách sống của bà T nhưng không đồng ý ly hôn lại không có biện pháp hàn gắn hiệu quả, bà T xác định vợ chồng không có tiếng nói chung và không thể tiếp tục chung sống với ông H nên vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông H, điều này cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T với ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, cả hai không có tiếng nói chung, không cùng chăm lo phát triển kinh tế gia đình, mục đích hôn nhân không đạt, do đó, việc bà T yêu cầu ly hôn ông H là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: tên Vu Văn S, sinh ngày 18/11/1992 và Vu Chí T1, sinh ngày 06/10/1994 các đương sự xác định đã trưởng thành, có khả năng lao động không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Vu Văn H.

- Về con chung: tên Vu Văn S, sinh ngày 18/11/1992 và Vu Chí T1, sinh ngày 06/10/1994 các đương sự xác định đã trưởng thành có khả năng lao động nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng. Bà Phạm Thị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0010164 ngày 28/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- UBND nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Hằng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- UBND nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Hằng